

VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG, LÒNG TIN SỐ TRONG THÀNH PHỐ THÔNG MINH
TẠI NHẬT BẢN: TIẾP CẬN TỪ XÃ HỘI 5.0

Lưu Thị Thu Thủy^{*1} và Phạm Thu Hương²
¹*Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam*
²*Trung tâm Ngôn ngữ Văn hóa Nhật Bản & Phát triển hợp tác, Trường Đại học Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam*
*Tác giả liên hệ: Lưu Thị Thu Thủy, e-mail: luuthuthuy76@yahoo.com
Ngày nhận bài: 13/4/2026. Ngày sửa bài: 6/5/2026. Ngày nhận đăng: 28/6/2026.

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích mối quan hệ biện chứng giữa các giá trị văn hóa cộng đồng truyền thống và việc kiến tạo lòng tin số (digital trust) trong lộ trình xây dựng thành phố thông minh (Smart City) tại Nhật Bản. Thông qua phương pháp tổng quan tài liệu và phân tích trường hợp (case study), nghiên cứu làm rõ cách thức Nhật Bản vận dụng triết lý xã hội 5.0 để giải quyết các nghịch lý giữa công nghệ và văn hóa. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, lòng tin số tại Nhật Bản không được xây dựng thuần túy trên các giải pháp kỹ thuật bảo mật mà dựa trên Kizuna (絆) và quản trị dữ liệu dựa trên sự đồng thuận (Opt-in), từ đó đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam trong việc xây dựng hệ sinh thái lòng tin khi triển khai đô thị thông minh.
Từ khóa: Thành phố thông minh, xã hội 5.0, lòng tin số, văn hóa cộng đồng, Kizuna.

COMMUNITY CULTURE AND DIGITAL TRUST IN SMART CITIES IN JAPAN:
A SOCIETY 5.0 PERSPECTIVE

Lưu Thị Thu Thủy^{*1} and Phạm Thu Hương²
¹*Institute of Social Sciences Information, Vietnam Academy of Social Sciences, Hanoi, Vietnam*
²*The Collaboration Center for Japanese Language and Culture, Hanoi University, Hanoi, Vietnam*
*Corresponding author: Lưu Thị Thu Thủy, e-mail: luuthuthuy76@yahoo.com
Received April 13, 2026. Revised May 6, 2026. Accepted June 28, 2026.

Abstract: This article examines the dialectical relationship between traditional community cultural values and the creation of digital trust in Japan’s smart-city initiatives. Through literature review and case study analysis, the research clarifies how Japan applies the Society 5.0 framework to resolve paradoxes between technology and culture. The research findings indicate that digital trust in Japan is not built solely on technical security solutions but is rooted in *Kizuna* (social bonds) and consent-based data governance (Opt-in). From these insights, the study offers several recommendations for Vietnam in developing a trust ecosystem when implementing smart urban areas.
Keywords: smart city, society 5.0, digital trust, community culture, Kizuna.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đô thị thông minh (Smart City) đã trở thành một định hướng phát triển quan trọng nhằm tối ưu hóa vận hành hạ tầng và nâng cao chất lượng sống. Tại Nhật Bản, mô hình này không chỉ dựa trên các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (IoT) hay dữ liệu lớn (Big Data) mà còn được định hình trong khuôn khổ

xã hội 5.0 (Society 5.0), mô hình xã hội siêu thông minh, lấy con người làm trung tâm và hướng tới sự tích hợp giữa không gian mạng và không gian vật lý. Mô hình này hướng tới xóa bỏ các rào cản về địa lý, tuổi tác, giới tính và ngôn ngữ, đồng thời đáp ứng nhu cầu đa dạng của từng cá nhân. Đây được xem là lời giải chiến lược của Nhật Bản trước những thách thức như già hóa dân số, suy giảm lực lượng lao động và rủi ro thiên tai (MEXT, 2021, tr.11).

Trước áp lực già hóa dân số ngày càng gia tăng tại Nhật Bản, với tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt 29,3% năm 2024 và dự kiến đạt 30,8% vào năm 2030 (MIC, 2025, tr.10). Trong bối cảnh đó nhu cầu xây dựng các nền tảng số đáng tin cậy ngày càng trở nên cấp thiết. Điều này cho thấy, bên cạnh yếu tố công nghệ, lòng tin của người dân giữ vai trò then chốt trong việc triển khai hiệu quả mô hình thành phố thông minh. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích vai trò của văn hóa cộng đồng đối với việc kiến tạo lòng tin số trong xây dựng thành phố thông minh tại Nhật Bản hiện nay.

Hiện nay, chủ đề xã hội 5.0 và thành phố thông minh đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của giới học thuật trong và ngoài Nhật Bản, tạo nên một hệ thống công bố đa dạng với hàm lượng khoa học cao. Có thể khái quát các nghiên cứu này qua ba luồng tiếp cận trọng tâm:

Thứ nhất, từ góc độ lý thuyết và quản trị chiến lược, các nghiên cứu của Harayama (2017) và Fukuyama (2018) nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong điều phối hệ thống kỹ thuật nhằm giải quyết các thách thức xã hội. Tuy nhiên, Benoit và Kudo (2020) cho rằng nếu thiếu sự đồng thuận xã hội và lòng tin từ cư dân, đô thị thông minh khó có thể vận hành hiệu quả.

Thứ hai, tiếp cận từ văn hóa và lòng tin số, hướng nghiên cứu mang tính thời sự nhất hiện nay: từ góc độ văn hóa và lòng tin số, Hitachi-UTokyo (2020) cho rằng lòng tin số gắn với các giá trị nhân văn, trong khi KPMG (2020) và Pallagst & nnk (2024) nhấn mạnh vai trò của quy hoạch văn hóa trong phát triển đô thị thông minh, làm rõ cách thức tiếp cận nhân văn để giải quyết các vấn đề cấp bách như già hóa dân số và đạo đức AI. Gần đây, Kitagawa (2025) tiếp tục làm rõ các tác động chính sách trong bối cảnh địa phương, qua đó phân tích sự tiến hóa của các sáng kiến đô thị thông minh trong bối cảnh thực tế.

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu Lê và Dương (2022); Lư và Nguyễn (2024); Hồ và Lư (2024) đã đề cập đến chuyển đổi số và xã hội 5.0 tại Nhật Bản, tuy nhiên vai trò của văn hóa cộng đồng và lòng tin số vẫn chưa được phân tích một cách hệ thống. Các giá trị như Kizuna hay cơ chế đồng thuận hiện mới chỉ được xem như bối cảnh phụ, thay vì nhìn nhận là nền tảng vận hành cốt lõi của hệ sinh thái số. Do đó, bài viết này tập trung làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa cộng đồng và quá trình hình thành lòng tin số qua các trường hợp điển hình, từ đó bổ sung hướng tiếp cận văn hóa vào nghiên cứu đô thị và đề xuất gợi ý chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam.

2. Các vấn đề lý luận

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu kết hợp với phân tích các văn bản chiến lược và công trình lý thuyết về xã hội 5.0 của các học giả như Harayama, Deguchi và nnk, Granier & Kudo. Đồng thời, cách tiếp cận liên ngành giữa văn hóa học và quản trị đô thị được vận dụng nhằm làm rõ vai trò của các giá trị như Kizuna và Omotenashi trong việc kiến tạo lòng tin số. Bên cạnh đó, nghiên cứu khai thác dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo về lòng tin xã hội và minh họa bằng các trường hợp điển hình như thành phố thông minh Woven City và Aizu-Wakamatsu. Đặc biệt, phương pháp so sánh, đối chiếu được sử dụng nhằm phân tích sự khác biệt và tương đồng về vốn xã hội giữa Nhật Bản và Việt Nam, qua đó làm rõ bối cảnh tiếp cận và khả năng vận dụng mô hình xã hội 5.0 trong điều kiện Việt Nam. Trên cơ sở đó, các dữ liệu được tổng hợp, đối chiếu và phân tích nhằm làm rõ mối quan hệ giữa văn hóa cộng đồng và quá trình hình thành lòng tin số trong xây dựng thành phố thông minh.

2.2. Triết lý xã hội 5.0, từ kỹ trị đến nhân văn làm trung tâm

Trong lộ trình xây dựng thành phố thông minh, Nhật Bản không xem công nghệ là mục đích tự thân mà là công cụ để thực hiện hóa chiến lược xã hội 5.0. Đây là một hình thái xã hội siêu thông minh, nơi các thành tựu như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data) được đặt trong một khung tham chiếu nhân văn, lấy con người làm hạt nhân điều phối. Vì vậy, sự ưu tiên này dẫn đến một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử, đó là sự dịch chuyển tư duy từ dữ liệu sang giá trị con người.

(i). Sự dịch chuyển tư duy từ dữ liệu sang giá trị con người

Cốt lõi của xã hội 5.0 là sự chuyển dịch mạnh mẽ từ một “xã hội dựa trên dữ liệu” sang một “xã hội dựa trên tri thức và giá trị con người”. Mô hình này không dùng công nghệ để giám sát mà hướng tới sự thấu cảm và phục vụ; song song đó, dữ liệu được cá nhân hóa để xử lý các nghịch lý xã hội thay vì chỉ tập trung tối ưu máy móc, góp phần giảm bớt áp lực dân số già cho Nhật Bản. Bằng cách xóa bỏ các rào cản về địa lý, tuổi tác và giới tính, xã hội 5.0 hướng tới việc đáp ứng chuẩn xác nhu cầu của từng cá nhân, giúp cuộc sống trở nên thuận tiện, thoải mái hơn (Hitachi-UTokyo Laboratory, 2020, tr.44).

Mục tiêu của xã hội 5.0 là kiến tạo một xã hội lấy con người làm trung tâm, nơi mà sự phát triển kinh tế và việc giải quyết các thách thức xã hội được thực hiện song hành, đồng thời người dân có thể tận hưởng một cuộc sống chất lượng cao, năng động và tiện nghi. Đó là một xã hội đáp ứng chi tiết các nhu cầu đa dạng của con người, không phân biệt vùng miền, độ tuổi, giới tính, ngôn ngữ,... thông qua việc cung cấp các vật phẩm và dịch vụ cần thiết. Chia khóa để hiện thực hóa điều này chính là sự hợp nhất giữa không gian mạng (cyber space) và thế giới thực (không gian vật lý) nhằm tạo ra dữ liệu chất lượng, từ đó kiến tạo nên những giá trị và giải pháp mới để giải quyết các thách thức. Tầm nhìn quốc gia này được Nhật Bản đề xuất nhằm hướng tới một xã hội mới, vì con người, đồng thời giải quyết triệt để các vấn đề xã hội khác nhau (Fukuyama, 2018, tr.48).

(ii). Kiến tạo lòng tin số và các trụ cột quản trị

Sự thành công của xã hội 5.0 phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng thiết lập một “hạ tầng xã hội dựa trên niềm tin”, tại đây cư dân không phải là đối tượng bị theo dõi mà là chủ thể thụ hưởng và cùng tham gia tạo ra giá trị. Để hiện thực hóa điều này, Nhật Bản đã xác lập các trụ cột cốt lõi để kiến tạo lòng tin số:

Dữ liệu tự do với sự tin cậy (Data Free Flow with Trust (DFFT): đây là sáng kiến do Nhật Bản khởi xướng tại G20, trụ cột này giải quyết mâu thuẫn giữa việc bảo vệ quyền riêng tư và nhu cầu lưu thông dữ liệu để thúc đẩy đổi mới (Aidan Arasasingham and Matthew P. Goodman, 2023)

Quản trị dựa trên niềm tin (Trust-based Governance): Thay vì các quy định cứng nhắc, Nhật Bản chuyển sang mô hình quản trị linh hoạt, đa bên và dân chủ. Cách tiếp cận này giúp thu hẹp khoảng cách giữa tốc độ phát triển công nghệ và sự chấp nhận của xã hội.

Hạ tầng kỹ thuật và Bảo mật (Technical Infrastructure and Security): Xây dựng hệ thống phòng thủ chủ động cho các hạ tầng trọng yếu (điện, nước, y tế). Đồng thời, triển khai hệ thống định danh My Number kết hợp với công nghệ mã hóa và Blockchain để vừa xác thực danh tính, vừa bảo vệ quyền tự quyết cá nhân.

(iii). Tính minh bạch và sự đồng thuận: lời giải cho rào cản văn hóa

Việc kiến tạo lòng tin số tại Nhật Bản không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là quá trình tái định nghĩa mối quan hệ giữa công nghệ và các giá trị cộng đồng truyền thống. Trong khi các quốc gia khác tập trung vào tối ưu hóa hạ tầng, Nhật Bản dành ưu tiên cho việc hóa giải sự thận trọng đặc thù của cư dân, những người vốn tin tưởng vào định chế truyền thống nhưng lại có độ trễ trong việc tiếp nhận các nền tảng số mới. Nghịch lý này được minh chứng cụ thể qua dữ liệu cuộc khảo sát của Reuters năm 2020 cho thấy tỉ lệ tin tưởng vào các định chế lâu đời như NHK đạt mức 60%, nhưng lòng tin tổng quát vào truyền thông trong nước đã sụt giảm xuống còn 37%. Đặc biệt, niềm tin vào các nguồn tin từ mạng xã hội chỉ dừng lại ở mức 20% (Hirose, 2020). Con

số này phản ánh rào cản tâm lý và sự thận trọng của cư dân đối với việc tiếp nhận các luồng thông tin hiện đại, tạo nên một thách thức đặc thù trong xây dựng hệ sinh thái lòng tin ở thành phố thông minh, còn cơ chế đồng thuận chủ động Opt-in theo đó người dùng tự nguyện cho phép thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân, không chỉ là một lựa chọn pháp lý mà còn mang ý nghĩa như một lựa chọn văn hóa sinh tồn trong xã hội Nhật Bản. Do đó, để hóa giải mâu thuẫn này, chính phủ Nhật Bản đã xác lập lộ trình dựa trên hai trục then chốt nhằm biến công nghệ thành một thành tố không thể thiếu trong đời sống văn hóa - xã hội:

Về mặt quản trị: Chuyển dịch từ tư duy kiểm soát cứng nhắc sang mô hình quản trị nhanh nhạy (agile governance). Cách tiếp cận này đảm bảo rằng mọi ứng dụng AI hay dữ liệu lớn đều phải tuân thủ nghiêm ngặt các khuôn khổ đạo đức, giúp người dân an tâm rằng công nghệ đang phục vụ mục tiêu nhân văn thay vì mục đích giám sát (Shiroyama, 2022).

Về thực thi: Áp dụng triệt để cơ chế đồng thuận chủ động (Opt-in). Bằng cách trao quyền cho cư dân tham gia vào quá trình “đồng sáng tạo” và hiểu rõ mục đích sử dụng dữ liệu, Nhật Bản nỗ lực chuyển đổi hành vi từ việc chấp nhận công nghệ một cách thụ động sang chủ động đóng góp dữ liệu như một hình thức xây dựng lợi ích chung cho cộng đồng.

Như vậy, qua phân tích cho thấy bản chất xã hội 5.0 tại Nhật Bản chính là sự cộng sinh giữa không gian vật lý nơi “lòng tin số” của cả hệ sinh thái trở thành nền tảng để xây dựng những đô thị thông minh bền vững. Trong quá trình xây dựng, Nhật Bản đã xác lập mục tiêu lấy con người làm trung tâm, hướng tới sự minh bạch và đồng thuận, đặc biệt đối với xã hội siêu thông minh như 5.0, các thành tựu công nghệ như AI, IoT hay Big Data sẽ được đặt ở khung tham chiếu mang giá trị nhân văn cao hơn.

2.3. Giá trị văn hóa cộng đồng (Kizuna) trong hệ điều hành tinh thần của thành phố thông minh tại Nhật Bản

Trong tiến trình phát triển đô thị toàn cầu, nếu thành phố thông minh thường được định nghĩa bằng mạng lưới cảm biến và dữ liệu lớn, thì tại Nhật Bản, chiến lược xã hội 5.0 đã nâng tầm khái niệm này lên một hệ chiếu nhân văn hơn. Nhật Bản không xem công nghệ là mục đích cuối cùng, mà là công cụ để hiện thực hóa các giá trị truyền thống cốt lõi là “Tin tưởng” (Trust) và “Chia sẻ” (Sharing) xã hội (Cabinet Office, 2021). Ở đó, Kizuna (絆), khái niệm chỉ sự gắn kết và mối liên hệ bền chặt giữa các cá nhân trong cộng đồng, đóng vai trò như một “hệ điều hành tinh thần”, định hình khung vận hành cho đô thị thông minh. Sự dịch chuyển này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng: nếu các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây ưu tiên hiệu suất sản xuất, thì xã hội 5.0 tập trung giải quyết các thách thức xã hội bằng cách đưa con người trở lại vị trí trung tâm, sử dụng công nghệ để hàn gắn những đứt gãy liên kết do đô thị hóa và già hóa dân số gây ra. Trên cơ sở đó, Kizuna trở thành “chất keo” kết nối các thành phần trong hệ sinh thái số. Cụ thể, giá trị này giúp: (i) duy trì kết nối giữa người cao tuổi sống độc lập với gia đình và cộng đồng thông qua các nền tảng công nghệ; (ii) thúc đẩy vai trò đồng tham gia của người dân trong việc thiết kế các giải pháp đô thị thông minh dựa trên nhu cầu thực tiễn; và (iii) tăng cường khả năng phục hồi của đô thị trong bối cảnh thảm họa thông qua việc tận dụng dữ liệu cộng đồng trên nền tảng niềm tin và sự hỗ trợ lẫn nhau (Deguchi và nnk, 2020). Thông qua *Chiến lược Đổi mới Sáng tạo Tích hợp 2025* (Integrated Innovation Strategy 2025), chính phủ Nhật Bản đã nâng tầm các khu vực Kizuna thành mô hình thực tiễn, chuyển từ giai đoạn dự án thử nghiệm sang triển khai thực tế, nhằm tạo ra những giá trị mới hướng tới phát triển bền vững, giúp giải quyết những vấn đề mà các thành phố giải quyết hiện đang phải đối mặt, hay thực hiện các cải cách về quy định và thể chế. Nhờ đó, Nhật Bản sẽ thúc đẩy các sáng kiến về Siêu thành phố (Super Cities); Đặc khu Y tế; Vườn Kỹ thuật số và Đặc khu Kizuna (Cabinet decision, 2025, tr.27).

2.4. Kiến tạo lòng tin số từ cộng sinh giữa vốn xã hội và hạ tầng dữ liệu

Trong chiến lược xây dựng xã hội 5.0, Nhật Bản định hướng phát triển đô thị thông minh theo hướng tích hợp giữa công nghệ và các cấu trúc xã hội, thay vì thuần túy dựa trên tối ưu hóa

kỹ thuật. Cách tiếp cận này cho thấy, công nghệ thường được xem như một công cụ hỗ trợ nhằm duy trì và củng cố các liên kết cộng đồng trong bối cảnh đô thị hóa và già hóa dân số.

Triết lý thiết kế lấy con người làm trung tâm (Human-centric)

Khác với các mô hình đô thị thông minh phương Tây vốn ưu tiên tối ưu hóa hạ tầng vật chất và hiệu suất thuật toán, Nhật Bản định nghĩa đô thị thông minh là một hệ sinh thái nhân văn. Tại đây, công nghệ không phải là mục tiêu tự thân mà là công cụ để giải quyết các nghịch lý xã hội. Việc ưu tiên trải nghiệm con người và sự tương thích văn hóa giúp các giải pháp công nghệ trở thành những thành tố hỗ trợ tự nhiên, thay vì những thực thể giám sát xa lạ.

Số hóa vốn xã hội và tinh thần phục vụ trong dịch vụ số

Sự cộng sinh giữa công nghệ và văn hóa được thể hiện qua hai khía cạnh chủ đạo:

(1). Số hóa giá trị Kizuna, các nền tảng ICT và AI được thiết kế để tái lập mạng lưới tương trợ địa phương. Thay vì cô lập cá nhân, công nghệ được sử dụng để nhận diện nhu cầu hỗ trợ và kết nối chính xác các nguồn lực xã hội, nhằm bảo tồn tinh thần trách nhiệm tập thể.

(2). Tinh thần Omotenashi trong quản trị số, triết lý tận tâm (Omotenashi), nhấn mạnh sự tận tâm và khả năng dự đoán trước nhu cầu của người khác, được chuyển hóa vào kiến trúc dịch vụ thông qua khả năng dự báo và thấu cảm. Việc cá nhân hóa các dịch vụ công và chăm sóc sức khỏe dựa trên phân tích Big Data chính là sự tinh tế của công nghệ khi được dẫn dắt bởi đạo đức phục vụ, biến các thuật toán khô khan thành sự quan tâm hiện hữu. Việc kết nối giữa đạo đức phục vụ (Omotenashi) và hạ tầng dữ liệu giúp Nhật Bản xây dựng được “lòng tin số” bền vững, nơi người dân sẵn sàng chia sẻ dữ liệu (Opt-in) vì họ tin rằng công nghệ đang thực sự “thấu cảm” với nhu cầu của mình.

Từ các phân tích trên có thể thấy, mối quan hệ giữa văn hóa cộng đồng và lòng tin số trong xã hội 5.0 không mang tính một chiều, mà là quan hệ biện chứng. Một mặt, các giá trị văn hóa như Kizuna và Omotenashi tạo nền tảng chuẩn mực và định hướng hành vi, từ đó hình thành niềm tin ban đầu của người dân đối với các hệ thống công nghệ. Mặt khác, khi các nền tảng số được thiết kế và vận hành phù hợp với các giá trị văn hóa này, chúng lại tiếp tục củng cố và tái sản xuất niềm tin trong xã hội, tạo thành một vòng phản hồi tích cực. Chính sự tương tác hai chiều này giúp giải thích vì sao tại Nhật Bản, việc triển khai các mô hình thành phố thông minh không chỉ phụ thuộc vào trình độ công nghệ mà còn gắn chặt với nền tảng văn hóa cộng đồng, qua đó hình thành một hệ sinh thái số dựa trên niềm tin bền vững.

Cơ chế tạo lập lòng tin số (Digital Trust) qua các thiết chế đặc thù

Trên cơ sở kế thừa nghiên cứu của các tác giả đi trước như Deguchi và nnk.(2020), Fukuyama (2018), Kitagawa (2025), chúng tôi thấy lòng tin số tại Nhật Bản được xây dựng trên ba cơ chế chính là: 1) Kế thừa cấu trúc tự quản; (2) Quyền tự chủ dữ liệu qua cơ chế Opt-in; và (3) Mô hình Ngân hàng dữ liệu, cụ thể:

(1). *Kế thừa cấu trúc tự quản trong không gian số*: Nhật Bản thực hiện chiến lược số hóa các thiết chế cộng đồng hiện hữu, tiêu biểu là việc tích hợp các hội tự quản địa phương (Chonaikai) vào hệ sinh thái dữ liệu. Việc ứng dụng VR/AR trong các lễ hội hay sử dụng robot xã hội dựa trên niềm tin vạn vật hữu linh đã giúp duy trì sợi dây liên kết văn hóa ngay cả trong bối cảnh giãn cách xã hội.

(2). *Quyền tự chủ dữ liệu qua cơ chế Opt-in*: Dựa trên Đạo luật bảo vệ thông tin cá nhân (*Act on the Protection of Personal Information*, viết tắt là APPI), cư dân nắm quyền quyết định tối cao đối với dữ liệu của mình. Sự minh bạch về mục đích sử dụng giúp người dân sẵn sàng chia sẻ dữ liệu như một hành vi đóng góp cho lợi ích chung thay vì coi đó là một sự thỏa hiệp về quyền riêng tư.

(3). *Mô hình ngân hàng dữ liệu (Information Bank)*: Đây là các thực thể trung gian được nhà nước cấp phép, đóng vai trò là “người ủy thác” có trách nhiệm đạo đức và pháp lý để quản lý dữ liệu cho cư dân. Mô hình này tạo ra một bộ lọc đạo đức và sự an tâm tuyệt đối, phản ánh sâu sắc văn hóa dựa trên lòng tin vào các định chế lớn của xã hội Nhật Bản.

Như vậy, qua việc phân tích các thiết chế đặc thù có thể khẳng định Nhật Bản đang vận hành mô hình quản trị lòng tin đa tầng, trong đó tầng nền tảng (văn hóa) là dựa trên vốn xã hội truyền thống và đạo đức dịch vụ để giảm thiểu sự phản kháng tâm lý với công nghệ. Tầng vận hành (cơ chế) thông qua sự minh bạch của cơ chế Opt-in và quyền tự quyết dữ liệu cá nhân theo đạo luật APPI (Act on the Protection of Personal Information). Cuối cùng là tầng thiết chế, sự dựng các mô hình trung gian như Ngân hàng dữ liệu (Information Bank) để tạo màng lọc đạo đức và an toàn pháp lý. Việc tích hợp các tầng nấc này giúp hóa giải nghịch lý lòng tin số: cư dân có thể thận trọng với các nền tảng kỹ thuật mới nhưng vẫn sẵn sàng chia sẻ dữ liệu khi được đặt trong một hệ sinh thái quản trị có sự bảo chứng của các giá trị văn hóa và định chế truyền thống.

3. Phân tích thực chứng các mô hình thành phố thông minh tiêu biểu (2020 - nay)

Sự thành công của chiến lược xã hội 5.0 tại Nhật Bản không nằm ở những bản kế hoạch trên giấy tờ mà được minh chứng cụ thể qua các mô hình thực nghiệm đô thị. Hai trường hợp điển hình là Woven City và Aizu-Wakamatsu đã cho thấy cách thức công nghệ hiện đại “thỏa hiệp” và phục vụ các giá trị nhân văn cốt lõi.

Thành phố Woven City: Woven City là một thành phố công nghệ do Toyota xây dựng dưới chân Núi Phú Sĩ, tại địa điểm nhà máy Higashi-Fuji cũ ở Susono, tỉnh Shizuoka. Dự án được xây dựng với tham vọng tạo ra một “phòng thí nghiệm sống” (living laboratory) cho xã hội tương lai. Woven City của Toyota là một mô hình đô thị thí nghiệm nhằm kiến tạo sự chung sống hài hòa giữa công nghệ tiên tiến và văn hóa di bộ trong đời sống đô thị (<https://www.woven-city.global/jpn/>). Tại đây Woven City của Toyota không chỉ là một đô thị tự hành mà là một nỗ lực duy trì sợi dây liên kết cộng đồng (Kizuna) trong bối cảnh số hóa toàn diện. Điểm độc đáo của mô hình này nằm ở cấu trúc “kiến trúc đan xen”, nơi đường phố được chia thành ba loại lớp khác nhau: dành cho xe tự hành tốc độ cao, dành cho phương tiện cá nhân tốc độ thấp và đặc biệt là các hành lang xanh dành riêng cho người đi bộ, thiết kế này nhằm tạo ra các “không gian tương tác ngẫu nhiên”, buộc cư dân phải rời khỏi sự cô lập của các thiết bị số để giao tiếp xã hội trực tiếp, một biểu hiện vật lý của tinh thần cộng đồng truyền thống. Đặc biệt, Woven City triển khai triết lý “Lòng tin từ thiết kế” (Trust by Design). Hệ thống cảm biến thông minh trong các hộ gia đình được lập trình để theo dõi sức khỏe cư dân bằng sóng radar không hình ảnh thay vì camera giám sát. Cách tiếp cận này giúp bảo vệ quyền riêng tư tuyệt đối cho đời sống cá nhân nhưng vẫn đảm bảo an toàn y tế tối ưu, đặc biệt là với nhóm đối tượng người cao tuổi. Đây chính là sự cụ thể hóa tinh thần Omotenashi, công nghệ chăm sóc con người một cách tận tâm nhưng không gây ra cảm giác bị xâm phạm hay kiểm soát. Woven City là một ví dụ điển hình cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo “glocal” hướng tới sự phát triển đô thị bền vững tích hợp, bằng cách cân bằng giữa đổi mới công nghệ, tăng trưởng kinh tế, sự tham gia của cộng đồng và quản trị môi trường.

Thành phố Aizu-Wakamatsu: Nếu Woven City tập trung vào những đột phá về hạ tầng kỹ thuật, thì Aizu-Wakamatsu lại khẳng định vị thế như một điển hình thành công về triết lý “Dữ liệu vì cộng đồng”. Thay vì chạy theo công nghệ thuần túy, thành phố này ưu tiên tư duy quản trị nhân văn, khẳng định công nghệ phải là công cụ phục vụ đời sống con người. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, chính quyền thành phố đã đầu tư 1,166 tỉ Yên từ nguồn ngân sách trợ cấp tái thiết sau thảm họa năm 2011 để thiết lập nền tảng chia sẻ dữ liệu cho cư dân địa phương (D4C) (Guo, 2023). Việc sử dụng 100% kinh phí công cho thấy cam kết mạnh mẽ của chính quyền trong việc bảo vệ quyền lợi dữ liệu của cư dân. Nền tảng này vận hành theo cơ chế Opt-in (tự nguyện tham gia), đóng vai trò là “chìa khóa” để xây dựng lòng tin số bền vững thông qua các lợi ích thực chứng.

Lòng tin của người dân không đến từ những khẩu hiệu trừu tượng mà từ sự tối ưu hóa các dịch vụ dân sinh cụ thể. Dữ liệu tiêu dùng được phân tích để điều chỉnh lộ trình xe buýt học đường và dự báo nhu cầu thực phẩm sạch cho các bếp ăn tập thể. Đặc biệt, Aizu-Wakamatsu đã chuyển đổi vai trò của cư dân từ “đối tượng thụ động” thành “chủ thể đồng sáng tạo”. Thông qua hệ thống Dashboard tương tác và các diễn đàn số, người dân có quyền bỏ phiếu và quyết định thứ tự ưu

tiên của các dự án thông minh. Sự minh bạch và hiệu quả thực tế này đã biến các thuật toán khôn ngoan thành công cụ kiến tạo đồng thuận xã hội. Theo Kitagawa (2025), tầm nhìn của Aizu-Wakamatsu hướng tới một xã hội mạng lưới phi tập trung, nơi cộng đồng có khả năng tự giải quyết các thách thức cục bộ thông qua phương pháp tiếp cận “lấy con người làm gốc”. Trong mô hình này, việc chia sẻ và phân tích dữ liệu không chỉ hỗ trợ quy hoạch đô thị hay sử dụng đất mà còn là động lực cốt lõi thúc đẩy tái thiết kinh tế và gia tăng sự tham gia của người dân vào tiến trình phát triển thành phố.

Một số vấn đề tồn tại về lòng tin số ở Nhật Bản

Tuy nhiên, nghịch lý lòng tin số tại Nhật Bản được minh chứng rõ nét qua báo cáo Edelman Trust Barometer 2024: trong khi mức tin tưởng trung bình toàn cầu vào lĩnh vực công nghệ đạt 76%, con số này tại Nhật Bản chỉ là 53% (Edelman, 2024, tr.6). Sự thận trọng này đặt ra bài toán bắt buộc cho Chính phủ Nhật Bản trong việc áp dụng cơ chế đồng thuận chủ động (Opt-in) và quản trị nhanh nhạy (Agile Governance) để thu hẹp khoảng cách niềm tin. Bởi vì bản chất của nó là sự dịch chuyển tư duy từ mô hình kiểm soát cứng nhắc bằng các quy định truyền thống sang mô hình quản trị linh hoạt, đa bên và dân chủ. Điều đó minh chứng rằng việc xây dựng lòng tin số từ nền tảng văn hóa cộng đồng trong các thành phố thông minh ở xã hội 5.0 của Nhật Bản vẫn gặp không ít thách thức trong việc hiện thực hóa lòng tin số:

(i). Dù mô hình xã hội 5.0 mang tính lý tưởng cao, thực tế triển khai vẫn bộc lộ những rào cản mang tính hệ thống như nghịch lý giữa lý thuyết và thực thi.

(ii). Sự thận trọng của cộng đồng trước công nghệ mới: Lòng tin số tại Nhật Bản có đặc thù là người dân tin tưởng các định chế truyền thống nhưng rất thận trọng với các nền tảng kỹ thuật số mới, sự kháng cự này không đến từ việc chống lại công nghệ mới mà nó xuất phát từ việc lo ngại phá vỡ chuẩn mực xã hội và quyền riêng tư.

(iii). Rủi ro về đạo đức và kiểm soát: Để đạt được sự đồng thuận, cư dân cần phải tin rằng các thuật toán đang hoạt động vì lợi ích chung thay vì mục đích kiểm soát hoặc lợi nhuận doanh nghiệp. Điều này đặt ra thách thức cực lớn cho quản trị khi phải đảm bảo tính đạo đức của AI và chuyển dịch từ tư duy kiểm soát sang quản trị nhanh nhạy.

(iv). Áp lực từ các vấn đề xã hội nội tại: Việc xây dựng lòng tin số còn phải đối mặt với các vấn đề cấp bách như già hóa dân số và đạo đức AI, nơi công nghệ phải chứng minh được khả năng “thấu cảm” thay vì chỉ là các giải pháp kỹ thuật khô khan.

Từ các phân tích trên có thể thấy, nghịch lý lòng tin số tại Nhật Bản xuất phát từ khoảng cách giữa thành công về mặt công nghệ và mức độ tiếp nhận xã hội. Một mặt, các mô hình đô thị thông minh trong khuôn khổ xã hội 5.0 đã đạt được hiệu quả đáng kể trong việc tích hợp công nghệ và nâng cao chất lượng dịch vụ. Mặt khác, do đặc trưng của văn hóa Nhật có đặc điểm văn hóa thận trọng, đề cao quyền riêng tư, nên cùng với sự phát triển nhanh của công nghệ đã tạo ra độ “lệch pha” nhất định so với khả năng thích ứng của người dân. Do đó, có thể khẳng định rằng, việc xây dựng lòng tin số không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là một quá trình xã hội dài hạn, đòi hỏi sự tương thích giữa công nghệ, thể chế và nền tảng văn hóa cộng đồng.

4. Hàm ý đối với thực tiễn của Việt Nam

Từ góc độ văn hóa và vốn xã hội, có thể thấy Nhật Bản và Việt Nam tuy cùng thuộc khu vực châu Á nhưng tồn tại những điểm tương đồng và khác biệt đáng chú ý. Cả hai quốc gia đều đề cao tính cộng đồng và các mối quan hệ xã hội, tạo nền tảng thuận lợi cho việc hình thành niềm tin trong xã hội. Tuy nhiên, sự khác biệt nằm ở mức độ thể chế hóa và cách thức vận hành các giá trị này. Tại Nhật Bản, các giá trị như Kizuna được tích hợp sâu vào hệ thống quản trị và các nền tảng công nghệ, góp phần hình thành lòng tin mang tính hệ thống. Trong khi đó, tại Việt Nam, vốn xã hội chủ yếu vận hành dưới dạng phi chính thức, dựa trên các mối quan hệ cộng đồng truyền thống, do đó việc chuyển hóa sang lòng tin số vẫn còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, sự khác biệt về thể chế và trình độ phát triển công nghệ cũng dẫn đến sự khác nhau trong cách tiếp cận và triển

khai mô hình thành phố thông minh. Điều này cho thấy, việc vận dụng kinh nghiệm từ Nhật Bản cần được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Trên cơ sở đó nhóm tác giả mạnh dạn đề xuất một số gợi mở cho Việt Nam bao gồm:

(i). *Thứ nhất, chuyển dịch trọng tâm từ “tôn sùng công nghệ” sang “lấy con người làm trung tâm”*. Thành phố thông minh tại Việt Nam cần thoát khỏi xu hướng tôn sùng kỹ thuật để quay về giá trị cốt lõi là giải quyết các đứt gãy xã hội. Học tập tinh thần Omotenashi trong quản trị số của Nhật Bản, công nghệ phải được thiết kế để “thấu cảm” và dự báo nhu cầu thay vì chỉ là công cụ kiểm soát. Sự thông minh của đô thị không nên đo bằng số lượng cảm biến mà bằng năng lực xử lý vấn đề dựa trên sự thấu cảm văn hóa.

(ii). *Thứ hai, số hóa và phát huy vốn xã hội sẵn có*: Việt Nam có lợi thế đặc thù về tính gắn kết cộng đồng làng xã và tổ dân phố, tương đồng với giá trị Kizuna. Thay vì triển khai các nền tảng vĩ mô xa lạ, các ứng dụng công dân số nên được thiết kế để tích hợp và thúc đẩy các thiết chế tự quản cấp phường/xã. Bài học từ việc tích hợp các hội tự quản địa phương vào hệ sinh thái dữ liệu tại Nhật Bản là gợi ý để Việt Nam biến các tương tác trực tuyến thành sự tiếp nối của tinh thần tương trợ láng giềng vốn có.

(iii). *Thứ ba, xác lập khung đạo đức số và quyền tự chủ dữ liệu*. Trong bối cảnh lòng tin số của người dùng Việt còn mong manh trước các rủi ro bảo mật, việc xây dựng hệ thống pháp lý bảo vệ thông tin cá nhân là yêu cầu cấp thiết. Bài học về cơ chế Opt-in và quyền được lãng quên của Nhật Bản, vốn là những thành tố cốt lõi giúp trao lại quyền tự chủ dữ liệu cho người dân theo tinh thần của đạo luật APPI như đã phân tích ở trên là gợi ý quan trọng để Việt Nam thiết lập một “khế ước lòng tin” về sự minh bạch. Tương tự mô hình tại Aizu-Wakamatsu, người dân Việt Nam chỉ thực sự tham gia hệ sinh thái số khi họ cảm thấy mình là “chủ thể đồng sáng tạo”, có quyền kiểm soát và làm chủ dữ liệu cá nhân trước các can thiệp từ bên thứ ba.

(iv). *Thứ tư, xây dựng hệ sinh thái số bao trùm hướng tới già hóa dân số*. Với tốc độ già hóa nhanh chóng, Việt Nam cần học tập triết lý “Lòng tin từ thiết kế” (Trust by Design) của dự án Woven City. Các giải pháp thành phố thông minh phải đảm bảo tính tiếp cận bình đẳng, đặc biệt là sử dụng công nghệ hỗ trợ người cao tuổi một cách nhân văn (ví dụ: dùng cảm biến radar không hình ảnh thay vì camera giám sát để bảo vệ quyền riêng tư). Điều này giúp kiến tạo một xã hội số bền vững, không bỏ lại phía sau những nhóm yếu thế về kỹ năng số.

5. Kết luận

Bài viết đã phân tích vai trò của văn hóa cộng đồng trong việc kiến tạo lòng tin số đối với việc xây dựng thành phố thông minh ở Nhật Bản từ góc tiếp cận xã hội 5.0. Kết quả cho thấy, bên cạnh yếu tố công nghệ và thể chế, các giá trị văn hóa như sự gắn kết cộng đồng và niềm tin xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tham gia của người dân và nâng cao hiệu quả quản trị đô thị thông minh. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra khoảng cách giữa hiệu quả triển khai các mô hình đô thị thông minh và mức độ chấp nhận của người dân, cho thấy việc xây dựng lòng tin số không chỉ phụ thuộc vào công nghệ mà còn gắn với đặc điểm văn hóa và tâm lý xã hội. Từ góc độ so sánh với Việt Nam, có thể thấy việc vận dụng kinh nghiệm từ Nhật Bản cần được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh thực tế, nhất là việc kết hợp giữa phát triển hạ tầng số và củng cố niềm tin xã hội.

Ghi chú về tác giả: ThS. Lưu Thị Thu Thủy là nghiên cứu viên chính tại Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam. ThS. Phạm Thu Hương hiện là giảng viên chính, Giám đốc Trung tâm Ngôn ngữ Văn hóa Nhật Bản và Phát triển hợp tác, Trường Đại học Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam. Tác giả 1: xây dựng ý tưởng, định hướng nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết, hoàn thiện bài, chỉnh sửa. Tác giả 2: tìm tài liệu, dịch tài liệu, đóng góp bản thảo và chỉnh sửa sau góp ý của phản biện.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột về lợi ích

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Arasasingham, A., & Goodman, M. P. (2023, April 13). *Operationalizing Data Free Flow with Trust (DFFT)*. Center for Strategic and International Studies. <https://www.csis.org/analysis/operationalizing-data-free-flow-trust-dfft>.
- Cabinet decision. (2025). *Integrated Innovation Strategy 2025*. https://www8.cao.go.jp/cstp/tougosenryaku/togo2025_honbun_eiyaku.pdf
- Cabinet Office of Japan. (2021). *The 6th STI Basic Plan in Japan (2021-2025)*. https://www.eeas.europa.eu/sites/default/files/210423_6th_sti_basic_plan_r.pdf.
- Edelman Trust Institute. (2024). *The 2024 Edelman Trust Barometer supplemental report: Insights for the tech sector*. <https://www.edelman.com/trust/2024/trust-barometer/special-report-tech-sector>.
- Fukuyama, M. (2018). Society 5.0: Aiming for a new human-centered society. *Japan SPOTLIGHT*, (27), 47-50.
- Granier, B., & Kudo, H. (2020). How are Japan's smart cities smart? A review of the concept and its realization. *Urban Science*, 4(4), 54-71.
- Guo, T. (2023). Research on the smartification of Japanese cities and regional revitalization in the DX era, Aizuwakamatsu city, Japan. In *Advances in Digital Transformation*. IntechOpen. <https://doi.org/10.5772/intechopen.1003632>.
- Harayama, Y. (2017). Society 5.0: Aiming for a new human-centered society. *Hitachi Review*, 66(6), 8-13.
- Hirose, Y. (2020, November 8). 国内メディアを信頼している日本人の割合は37 % ... 週刊誌やデジタルメディアは軒並み 2 割台 [Chi 37% người Nhật tin tưởng truyền thông trong nước]. Media Innovation. <https://media-innovation.jp/article/2020/11/08/46030.html>.
- Hitachi UTokyo Laboratory (H-UTokyo Lab. (2020). *Society 5.0: A people-centric super-smart society*. Springer Nature. <https://link.springer.com/book/10.1007/978-981-15-2989-4>
- Hồ, M. T., & Luu, P. T. (2024). Những triết lý nhân văn trong tầm nhìn xã hội 5.0 tại Nhật Bản và một vài gợi ý cho Việt Nam. *Tạp chí Truyền thông và Thông tin*, (5), 64-70.
- KPMG. (2020). *Smart cities: Awareness survey conducted covering five major cities in Japan*. <https://assets.kpmg.com/content/dam/kpmgsites/jp/pdf/2020/jp-en-smart-cities.pdf>.
- Kitagawa, F. (2025). Smart cities as “mission-oriented” innovation and entrepreneurial ecosystems insights from 20 years of experiments in Japan. *Cambridge Journal of Regions, Economy and Society*, 18(3), 481–494. <https://doi.org/10.1093/cjres/rsaf019>
- Lê, M. T., & Dương, H. H. (2022). Nhật Bản chuyển đổi số và kiến tạo xã hội 5.0. *Tạp chí Thông tin và truyền thông*, (9), 50-59.
- Luu, T. T. T., & Nguyễn, T. H. (2024). Thành phố thông minh ở Nhật Bản hiện nay. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, (12), 31-38.
- Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology (MEXT). (2021). *Science, Technology, and Innovation Basic Plan*. Government of Japan.
- Ministry of Internal Affairs and Communications Japan (MIC). (2025). *Statistical handbook of Japan*.
- Pallagst, K., Pauly, J., & Stumpf, M. (2024). Conceptualising smart cities in the Japanese planning culture. *REAL CORP 2024 Proceedings*, 137-148. <https://doi.org/10.48494/REALCORP2024.6060>.
- Shiroyama, H. (2022). *Governing AI in Society 5.0: Platforms, data, and ethics*. University of Tokyo Press.